

Số: 02/2022/CBTT – MTG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2021 MT Gas)

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội.**

1. Tên tổ chức : Công ty Cổ phần MT Gas

Mã chứng khoán : MTG

Địa chỉ trụ sở chính : Lô 1, ấp Thuận Đạo, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1100480979 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2007, thay đổi lần gần nhất ngày 14/12/2021.

Điện thoại : (0272) 3634713 Fax: (0272) 3871672.

Người thực hiện công bố thông tin: ông Phan Công Quyền - Chức vụ: Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty CP MT Gas.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu bất thường Định kỳ.

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần MT Gas trân trọng thông báo đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, ký ngày 26/03/2022.

(Đính kèm : Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, ngày 26/03/2022)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP MT Gas tại đường dẫn <http://www.mtgas.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư.



CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ GAS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘ LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MT Gas trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần MT Gas (gọi tắt là “ Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MT Gas, Giấy đăng ký kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 theo Giấy phép kinh doanh số 1100480979 ngày 14/12/2021.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: MT GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: MT GAS.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100480979 thay đổi lần thứ 16 ngày 14/12/2021 là 63.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM từ ngày 25/6/2015 với mã chứng khoán là MTG.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Thanh Hòa	Chủ tịch
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
Ông Lại Văn Tú	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Phan Công Quyền	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 07/12/2021)
Ông Lại Văn Tú	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/02/2021)
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 03/02/2021 và miễn nhiệm từ ngày 07/12/2021)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Phan Công Quyền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Số: 92/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần MT Gas

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần MT Gas, được lập ngày 26/3/2022 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		24.700.934.269	12.144.641.554
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	413.784.543	453.691.576
1. Tiền	111		413.784.543	453.691.576
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.406.674.306	8.534.629.316
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	21.223.160.518	6.399.895.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.100.000	273.039.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.529.091.930	1.533.829.378
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(3.368.678.142)	(2.329.221.616)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	-	2.657.086.443
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	4.729.727.246	2.834.134.039
1. Hàng tồn kho	141		4.729.727.246	2.834.134.039
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		150.748.174	322.186.623
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	150.748.174	322.186.623
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		47.609.561.002	54.881.906.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.000.000	27.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	27.000.000	27.000.000
II. Tài sản cố định	220		15.706.261.492	18.390.590.194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	15.706.261.492	18.381.258.534
- Nguyên giá	222		68.958.682.526	68.283.646.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.252.421.034)	(49.902.387.992)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	9.331.660
- Nguyên giá	228		257.181.977	257.181.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(257.181.977)	(247.850.317)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.876.299.510	36.464.316.746
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	31.876.299.510	36.464.316.746
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		72.310.495.271	67.026.548.494

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		35.788.825.462	31.623.437.192
I. Nợ ngắn hạn	310		25.940.857.213	20.114.953.504
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	23.441.187.695	18.564.062.923
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.821.913	31.819.844
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	152.471.572	283.154.960
4. Phải trả người lao động	314		388.329.291	352.278.625
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	1.882.898.080	805.958.224
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	73.148.662	77.678.928
II. Nợ dài hạn	330		9.847.968.249	11.508.483.688
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	9.847.968.249	11.508.483.688
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		36.521.669.809	35.403.111.302
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	36.521.669.809	35.403.111.302
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.000.000.000	63.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.000.000.000	63.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		671.665.980	671.665.980
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		530.654.057	530.654.057
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.680.650.228)	(28.799.208.735)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.799.208.735)	(25.250.997.289)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.118.558.507	(3.548.211.446)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		72.310.495.271	67.026.548.494

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng



Trần Duy Luân

Tổng Giám đốc



Phan Công Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	193.456.065.582	154.830.299.203
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	12.680.823.053	11.648.800.248
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	180.775.242.529	143.181.498.955
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	162.438.082.158	129.552.039.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		18.337.160.371	13.629.459.395
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	2.947.178	3.158.454
7. Chi phí tài chính	22		-	29
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	29
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	11.704.641.399	15.217.033.996
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.936.410.748	2.336.349.511
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.699.055.402	(3.920.765.687)
11. Thu nhập khác	31	6.7	76.589.832	372.554.241
12. Chi phí khác	32	6.7	2.657.086.727	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	(2.580.496.895)	372.554.241
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		1.118.558.507	(3.548.211.446)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.118.558.507	(3.548.211.446)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	178	(563)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Duy Luân

Tổng Giám đốc



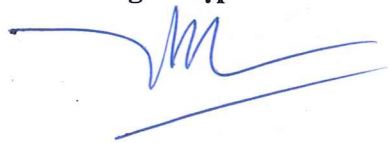
Phan Công Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.118.558.507	(3.548.211.446)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.359.364.702	3.633.964.916
- Các khoản dự phòng	03		1.039.456.526	(5.196.156.743)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.947.178)	476.841.546
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.514.432.557	(4.633.561.727)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.911.501.516)	4.054.140.714
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.895.593.207)	264.776.709
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.165.388.270	(10.358.692.259)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.759.455.685	9.876.732.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		632.181.789	(796.603.993)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(675.036.000)	(41.950.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.947.178	3.158.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(672.088.822)	(38.791.546)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(39.907.033)	(835.395.539)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		453.691.576	1.289.087.115
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	413.784.543	453.691.576

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Duy Luân

Tổng Giám đốc



Phan Công Quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MT Gas được chuyển đổi từ Công ty TNHH MT Gas, Giấy đăng ký kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12/02/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 theo Giấy phép kinh doanh số 1100480979 ngày 14/12/2021.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: MT GAS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: MT GAS.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100480979 thay đổi lần thứ 16 ngày 02/3/2021 là 63.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM từ ngày 25/6/2015 với mã chứng khoán là MTG.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 34 người (tại ngày 31/12/2020 là 42 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Thiết kế, gia công lắp đặt bồn bể, thiết kế áp lực; Mua bán thiết bị ngành xăng dầu, khí hóa lỏng;
- Sản xuất chai chứa khí áp lực LPG, CNG...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản), ủy thác mua bán hàng hóa;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), trạm chiết LPG, CNG;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn bếp gas và các thiết bị phụ trợ ngành gas;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Dịch vụ quản lý, kinh doanh, điều hành, khai thác cảng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); CNG; NH₃, CO₂; bình chữa cháy;
- Kinh doanh: Chiết nạp khí hóa lỏng LPG, xăng, dầu, dầu mỡ nhờn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông. Kinh doanh cảng biển, cảng sông;
- Mua bán: vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Cho thuê kho bãi; Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cho thuê. Xây dựng: Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng. Mua bán: vật liệu xây dựng, trang trí nội - ngoại thất. Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và sản xuất chai chứa khí áp lực LPG, CNG...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có một đơn vị trực thuộc là Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần MT Gas, địa chỉ tại: Phòng 919, Lầu 9, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính là giao dịch và tiếp thị.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 -20
Máy móc và thiết bị	05 -14
Phương tiện vận tải	06 -10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 15

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 năm đến 08 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê tài sản hữu hình để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí mua bảo hiểm tài sản

Các khoản chi phí mua bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Chi phí sơn, sửa vỏ bình gas, kiểm định vỏ bình gas

Các khoản chi phí sơn, sửa vỏ bình gas, kiểm định vỏ bình gas được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nhận ký quỹ, ký cược vỏ bình gas

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas (10 năm) theo hướng dẫn tại công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 của Bộ Tài Chính về xử lý thuế đối với khoản tiền đặt cược vỏ bình gas và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí chiết khấu bán hàng: Trích trước dựa trên sản lượng tiêu thụ và đơn giá chiết khấu theo chính sách chiết khấu đã thông báo.
- Chi phí khác: Trích trước khi thực tế đã phát sinh nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn chứng từ liên quan.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp) và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	7.450.054	139.444.389
Tiền gửi ngân hàng	406.334.489	314.247.187
Tổng	413.784.543	453.691.576

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	16.160.276.712	2.128.779.902
Gas Thanh Hùng	803.795.007	803.795.007
Công ty TNHH Thương mại An Thành ĐT	-	689.099.013
Công ty TNHH Gas Quang Khoa	1.532.778.150	-
Phải thu các đối tượng khác	2.726.310.649	2.778.221.389
Tổng	21.223.160.518	6.399.895.311

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

16.624.999.087

2.168.407.485

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.529.091.930	(1.067.769.848)	1.533.829.378	(836.998.051)
Phải thu người lao động đã nghỉ việc	1.402.434.632	(1.067.769.848)	1.408.975.401	(836.998.051)
Tạm ứng cho nhân viên	70.000.000	-	70.000.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	1.566.290	-	54.853.977	-
Phải thu khác	55.091.008	-	-	-
b) Dài hạn	27.000.000	-	27.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	27.000.000	-	27.000.000	-
Tổng	1.556.091.930	(1.067.769.848)	1.560.829.378	(836.998.051)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.864.833.309	496.155.167	3.864.833.309	1.535.611.693
Gas Thanh Hùng	803.795.007	-	803.795.007	56.378.100
DNTN SX TM & XNK Thuận Huy	166.856.123	-	166.856.123	166.856.123
Các đối tượng khác	2.894.182.179	496.155.167	2.894.182.179	1.312.377.470

5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Khí hóa lỏng (LPG)	-	-	184.446	2.299.938.330
- Gas bình 45kg	-	-	8.338	116.828.117
- Hàng hóa khác	-	-	-	28.797.753
- Tài sản khác	-	-	-	211.522.243
Tổng				2.657.086.443

Công ty ghi nhận phần tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 01/01/2021 vào chi phí căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 ngày 12/6/2020.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.070.402.589	-	653.610.518	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.037.622.635	-	1.528.216.983	-
Thành phẩm	211.096.274	-	8.391.271	-
Hàng hóa	1.410.605.748	-	643.915.267	-
Tổng	4.729.727.246	-	2.834.134.039	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	257.181.977	257.181.977
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	257.181.977	257.181.977
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	247.850.317	247.850.317
Tăng trong năm	9.331.660	9.331.660
Khấu hao trong năm	9.331.660	9.331.660
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	257.181.977	257.181.977
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	9.331.660	9.331.660
Tại ngày 31/12/2021	-	-

Trong đó:

Nguyên giá tài sản vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 257.181.977 VND (tại ngày 31/12/2020 là 201.191.977 VND).

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	150.748.174	322.186.623
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	116.402.625
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	11.578.517
Chi phí sửa chữa	-	81.245.867
Các khoản khác	150.748.174	112.959.614
b) Dài hạn	31.876.299.510	36.464.316.746
Chi phí vỏ bình gas (i)	20.113.204.543	26.672.960.345
Chi phí sơn, sửa vỏ bình gas	10.330.276.783	8.333.902.376
Chi phí kiểm định bình gas	797.586.775	695.861.951
Chi phí sửa chữa	-	429.037.894
Các khoản khác	635.231.409	332.554.180
Tổng	32.027.047.684	36.786.503.369

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	22.170.277.751	22.170.277.751	18.341.358.723	18.341.358.723
Phải trả cho các đối tượng khác	1.270.909.944	1.270.909.944	222.704.200	222.704.200
Tổng	23.441.187.695	23.441.187.695	18.564.062.923	18.564.062.923

Trong đó:

<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>22.170.277.751</i>	<i>22.170.277.751</i>	<i>18.341.358.723</i>	<i>18.341.358.723</i>
---	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Phải nộp	283.154.960	1.521.047.616	1.651.731.004	152.471.572
Thuế giá trị gia tăng	216.103.329	1.410.470.710	1.522.582.064	103.991.975
Thuế thu nhập cá nhân	67.051.631	105.576.906	124.148.940	48.479.597
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	1.859.104.280	688.342.575
Các khoản khác	23.793.800	117.615.649
Tổng	1.882.898.080	805.958.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	73.148.662	77.678.928
Kinh phí công đoàn	31.466.193	33.006.861
Bảo hiểm xã hội	41.030.611	43.731.557
Bảo hiểm y tế	-	940.510
Bảo hiểm thất nghiệp	651.858	-
b) Dài hạn	9.847.968.249	11.508.483.688
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (i)	9.847.968.249	11.508.483.688
Tổng	9.921.116.911	11.586.162.616

(i) Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas (10 năm) theo Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 về xử lý thuế đối với khoản tiền đặt cọc vỏ bình gas và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS
Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức
Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	63.000.000.000	671.665.980	530.654.057	(25.250.997.289)	38.951.322.748
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(3.548.211.446)	(3.548.211.446)
Số dư tại ngày 31/12/2020	63.000.000.000	671.665.980	530.654.057	(28.799.208.735)	35.403.111.302
Số dư tại ngày 01/01/2021	63.000.000.000	671.665.980	530.654.057	(28.799.208.735)	35.403.111.302
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.118.558.507	1.118.558.507
Số dư tại ngày 31/12/2021	63.000.000.000	671.665.980	530.654.057	(27.680.650.228)	36.521.669.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha	4.256.280	67,56%	42.562.800.000	4.256.280	67,56%	42.562.800.000
Ông Vũ Minh Trí	315.000	5,00%	3.150.000.000	315.000	5,00%	3.150.000.000
Các cổ đông khác	1.728.720	27,44%	17.287.200.000	1.728.720	27,44%	17.287.200.000
Tổng	6.300.000	100,00%	63.000.000.000	6.300.000	100,00%	63.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	63.000.000.000	63.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	63.000.000.000	63.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.300.000	6.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	6.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.300.000	6.300.000
Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	6.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	671.665.980	671.665.980
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	530.654.057	530.654.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số nợ đã xóa VND	Thời điểm xóa nợ
Công ty TNHH TM DV Khí Đốt Nam Việt	2.583.837.341	Năm 2020
Tạm ứng dự án Cảng Tân Tập	1.239.222.215	Năm 2020
Công ty TNHH Thành Long	262.789.405	Năm 2020
Công ty TNHH SX-XK Gốm Mỹ Nghệ Long Trường	232.379.461	Năm 2020
Công ty TNHH An Hiệp	214.325.059	Năm 2020
Các đối tượng khác	183.603.262	Năm 2020
Tổng	4.716.156.743	

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	189.458.874.370	148.218.192.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ	951.125.773	1.579.300.480
Doanh thu từ phân bổ ký quỹ ký cược vỏ bình gas	3.046.065.439	5.032.806.057
Tổng	193.456.065.582	154.830.299.203

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan 103.547.070.187 28.286.762.999

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chiết khấu thương mại	12.680.823.053	10.868.337.287
Giảm giá hàng bán	-	780.462.961
Tổng	12.680.823.053	11.648.800.248

Trong đó:

Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan 7.908.873.887 1.749.477.488

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	176.778.051.317	136.569.392.418
Doanh thu cung cấp dịch vụ	951.125.773	1.579.300.480
Doanh thu từ phân bổ ký quỹ ký cược vô bình gas	3.046.065.439	5.032.806.057
Tổng	180.775.242.529	143.181.498.955
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	<i>95.638.196.300</i>	<i>26.537.285.511</i>

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	162.430.818.522	128.792.075.562
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.263.636	759.963.998
Tổng	162.438.082.158	129.552.039.560

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.947.178	3.158.454
Tổng	2.947.178	3.158.454

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí bán hàng	11.704.641.399	15.217.033.996
Chi phí nhân viên	142.304.139	611.268.604
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	11.063.567.533	13.107.259.602
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.839.390	130.072.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.867.812	736.443.093
Chi phí bằng tiền khác	9.062.525	631.989.969
Chi phí quản lý	2.936.410.748	2.336.349.511
Chi phí nhân viên quản lý	1.444.568.782	1.871.646.824
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.039.015	15.243.431
Chi phí khấu hao TSCĐ	103.377.112	112.708.788
Thuế phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	1.039.456.526	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.299.313	301.221.524
Chi phí bằng tiền khác	2.670.000	30.528.944
Tổng	14.641.052.147	17.553.383.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thành phẩm, hàng hóa thừa khi kiểm kê	-	104.520.395
Thu tiền bán phế liệu	-	217.942.727
Các khoản khác	76.589.832	50.091.119
Tổng	76.589.832	372.554.241
Chi phí khác		
Xử lý tài sản thiếu	2.657.086.443	
Chi phí khác	284	-
Tổng	2.657.086.727	-
Lợi nhuận khác	(2.580.496.895)	372.554.241

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.118.558.507	(3.548.211.446)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm		
<i>Chi phí không được trừ</i>	2.681.168.231	626.848.984
Thu nhập chịu thuế	3.799.726.738	(2.921.362.462)
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	(3.799.726.738)	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	(2.921.362.462)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng	-	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.118.558.507	(3.548.211.446)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	1.118.558.507	(3.548.211.446)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	6.300.000	6.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	178	(563)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.628.394.154	136.709.215.191
Chi phí nhân công	5.302.016.840	4.412.806.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.359.364.702	3.633.964.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.091.976.140	3.409.864.928
Chi phí khác bằng tiền	154.277.867	791.135.282
Chi phí dự phòng	1.039.456.526	-
Tổng	178.575.486.229	148.956.986.335

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Vũ Thanh Hòa	Chủ tịch HĐQT
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT
Ông Lại Văn Tú	Thành viên HĐQT
	Nguyên Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thư ký
Ông Phan Công Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trung	Nguyên Tổng Giám đốc

Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan nêu trên.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con của công ty mẹ
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con của công ty mẹ
Công ty TNHH Đức Hải	Công ty con của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con của công ty mẹ
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Cùng hệ thống

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Vũ Thanh Hòa	Chủ tịch	36.000.000	35.100.000
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên	24.000.000	18.000.000
Ông Lại Văn Tú	Thành viên	24.000.000	23.400.000
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thư ký	6.000.000	6.000.000
Tổng		90.000.000	82.500.000

c. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 (Trình bày lại) VND
Giao dịch mua hàng			155.502.643.435	115.437.670.108
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	155.502.643.435	114.867.011.310
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con của Công ty mẹ	Phí vận chuyển	-	69.338.798
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	49.600.000
		Mua vỏ bình gas	-	451.720.000
Giao dịch bán hàng			103.547.070.187	28.286.762.999
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Công ty mẹ	Phí gửi kho	641.992.568	507.317.109
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	17.200.000	41.954.546
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con của Công ty mẹ	Phí chiết nạp gas	72.684.091	-
Công ty Cổ phần LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	95.743.510.710	21.040.796.417
		Phí thuê xe	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	6.891.682.818	6.696.694.927
Giảm trừ doanh thu			7.908.873.887	1.749.477.488
Công ty Cổ phần LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Chiết khấu thương mại	7.460.056.387	1.531.354.917
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Công ty mẹ	Chiết khấu thương mại	448.817.500	218.122.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2021 VND	01/01/2021 (Trình bày lại) VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>			16.624.999.087	2.168.407.485
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Công ty con của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	384.769.875	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (Lộc Hân)	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Phí thuê xe	16.160.276.712	2.156.582.485
Công ty TNHH Bình khí Hong Vina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	-	11.825.000
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	79.952.500	-
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>			22.170.277.751	18.341.358.723
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	22.170.277.751	18.341.358.723

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Duy Luân

Tổng Giám đốc



Phan Công Quyền

CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org